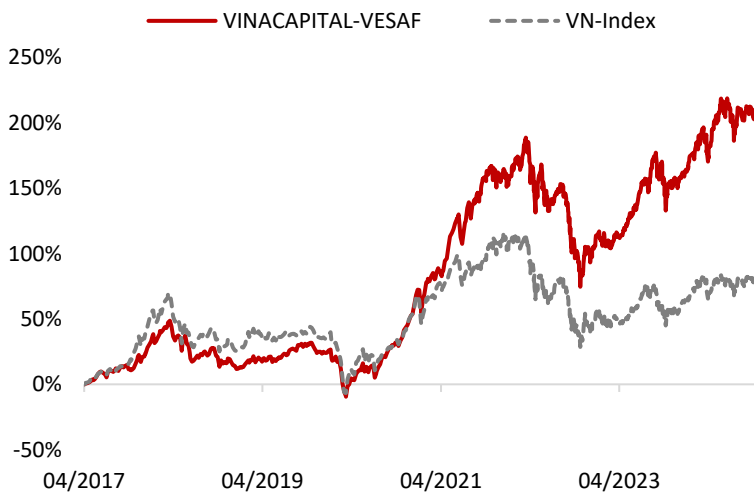


VINACAPITAL-VESAF Chiến lược đầu tư

Tối đa hóa lợi nhuận đầu tư từ trung đến dài hạn bằng cách tập trung chủ yếu vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ có tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận cao, dòng tiền kinh doanh ổn định và mức định giá thấp; các cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài quan tâm nhưng hết room ngoại.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Dữ liệu trên là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư trong tương lai. Lợi nhuận đầu tư và vốn đầu tư sẽ thay đổi do đó Quý nhà đầu tư có thể lời hoặc lỗ khi bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị thể hiện ở trên.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VESAF

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	2,481.4	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	30,787.0	
Lợi nhuận tháng 10/2024 (%)	(1.1)	(1.8)
Lợi nhuận từ đầu năm 2024 (%)	19.2	11.9
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	5.4	(4.3)
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	18.7	4.8
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	16.1	8.0
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	207.9	78.2

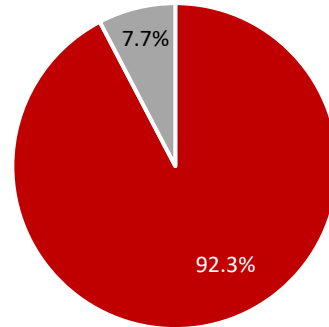
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



■ Cổ phiếu ■ Tiền và tương đương tiền

Thông tin quỹ

Ngày thành lập	18/04/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 1.5% >= 12 tháng 0.5% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Nghân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

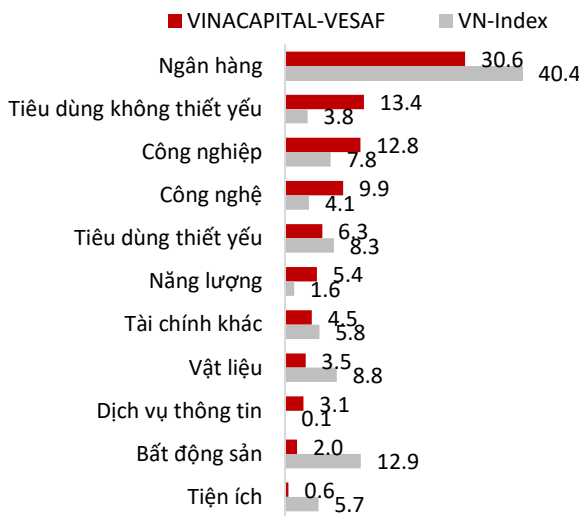
Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2024 (x)	10.9	12.7
Chỉ số P/B 2024 (x)	1.8	1.8
Chỉ số ROE 2024 (%)	16.4	14.4
Tỷ suất cổ tức (%)	2.8	3.0
Vòng quay danh mục 12 tháng (%)	36.9	-
Hệ số Sharpe	0.6	0.2
Số lượng cổ phiếu	28	411

Nguồn: dự báo của VinaCapital

Phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% Giá trị tài sản ròng
FPT	Công nghệ	9.9
MBB	Ngân hàng	9.4
ACB	Ngân hàng	7.0
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	6.3
GMD	Công nghiệp	5.6
VIB	Ngân hàng	4.8
CTG	Ngân hàng	4.6
PTB	Tiêu dùng không thiết yếu	3.6
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	3.5
PVS	Năng lượng	3.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG

Trong tháng 10/2024, chỉ số VN-Index giảm 1,8% về 1.264,5 điểm, kéo mức tăng của thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam từ đầu năm về còn 11,9%.

TTCK trong tháng 10 bị tác động bởi tỷ giá và những yếu tố khó đoán định trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Sau khi suy yếu vào tháng 9 do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất 50 điểm cơ bản, DXY đã mạnh lên trong tháng 10 nhờ dữ liệu kinh tế tích cực của Mỹ và khả năng Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) cắt giảm lãi suất nhanh hơn với quy mô lớn hơn. Theo đó, đồng VND mất giá khoảng 3% trong tháng 10 so với đồng USD.

Thanh khoản của TTCK vẫn ở mức thấp trong nhiều tháng qua. Giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 17,8 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, tính trên cả 3 sàn, gần như đi ngang so với tháng trước. Khối ngoại bán ròng 11 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, trong đó có giao dịch của cổ đông nước ngoài lớn của VIB bán khoảng 10% cổ phần của VIB, tương đương 5,4 nghìn tỷ đồng.

Các doanh nghiệp niêm yết đã công bố kết quả kinh doanh của quý 3/2024. Tổng lợi nhuận ròng quý 3 của các doanh nghiệp trên cả 3 sàn tăng 20% so với cùng kỳ năm trước, nhìn chung đạt kỳ vọng của thị trường, ngoại trừ vài ngân hàng và một số công ty trong lĩnh vực xuất khẩu và năng lượng có phần kém hơn kỳ vọng. Cả ngành ngân hàng đạt tăng trưởng lợi nhuận 18% so với cùng quý năm trước nhưng giảm 8% so với quý trước, chủ yếu do biên lãi cho vay (NIM) giảm do chính sách hỗ trợ khách hàng và cạnh tranh giữa các ngân hàng. Khối phi ngân hàng đạt tăng trưởng lợi nhuận 22% so với cùng kỳ năm trước và 10% so với quý trước, một kết quả tương đối đáng khích lệ.

CẬP NHẬT QUỸ VÀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ

Giá trị đơn vị tài sản ròng của VINACAPITAL-VESAF giảm 1,1% trong tháng 10, so với mức giảm 1,8% của VN-Index. Trong khi nhóm ngân hàng (có tỷ trọng trong danh mục thấp hơn so với tỷ trọng trong Index) có diễn biến không tích cực trong tháng 10 do những thách thức vĩ mô, thì các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ (vốn có tỷ trọng cao trong danh mục đầu tư của chúng tôi) có diễn biến giá khả quan hơn trong tháng.

Khi đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 của các công ty trong danh mục, chúng tôi nhận thấy các công ty cung cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu trong nền kinh tế (ví dụ: cảng biển, nhà ga hàng hóa hàng không, khu công nghiệp, viễn thông và tiện ích) có kết quả kinh doanh đạt kỳ vọng, trong khi nhóm công ty trong các lĩnh vực khác gặp phải những thách thức ngắn hạn đối với chi phí hoạt động, khiến lợi nhuận ròng giảm nhiều hơn dự kiến. Đối với các doanh nghiệp chủ yếu phục vụ tiêu dùng nội địa như tài chính hay tiêu dùng, áp lực về chi phí hoạt động xuất phát từ sự gia tăng cạnh tranh trong bối cảnh tiêu dùng nội địa còn trầm lắng (cộng thêm ảnh hưởng tiêu cực từ cơn bão Yagi đầu tháng 9), và, trong một số trường hợp, còn có các vấn đề khác ở phía nguồn cung. Đối với các doanh nghiệp chủ yếu phục vụ thị trường xuất khẩu, áp lực về chi phí hoạt động xuất phát từ chi phí vận chuyển tăng cao (do ảnh hưởng căng thẳng địa chính trị).

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh thu toàn danh mục trong quý 3 năm 2024 và trong 9 tháng 2024 vẫn đạt mức khá tốt, lần lượt là 17% và 16% so với cùng kỳ năm trước, tiếp tục khẳng định vị thế hướng tới tăng trưởng của chiến lược đầu tư. Chúng tôi coi các áp lực chi phí hoạt động nêu trên là những thách thức ngắn hạn, và không ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng dài hạn của các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ của danh mục. Tăng trưởng EPS toàn danh mục trong năm 2025 dự phóng hiện ở mức 19,1% so với P/E năm 2024 dự phóng là 10,8 lần.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%
2024	2.5%	5.7%	5.2%	-4.3%	6.9%	1.0%	0.2%	1.8%	0.2%	-1.1%			19.2%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.